

**TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY THUỐC SẮT TRÙNG VIỆT NAM**



**ĐỀ ÁN CỔ PHẦN HÓA
XÍ NGHIỆP TRỪ MỐI - KHỦ TRÙNG**



Tháng 10/1998

MỤC LỤC

Phần I : Mục đích và cơ sở pháp lý để cổ phần hóa

- | | |
|----------------------------------|---|
| I. Mục đích của việc cổ phần hóa | 3 |
| II. Cơ sở pháp lý | 3 |

Phần II : Những cơ sở thực tế lựa chọn Doanh nghiệp để cổ phần hóa

- | | |
|---|---|
| I. Tên Doanh nghiệp cổ phần hóa | 4 |
| II. Lý do chọn Xí Nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng để cổ phần hóa | 4 |
| III. Thực trạng hoạt động của Xí Nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng | 4 |

Phần III : Phương án cổ phần hóa và tổ chức Công Ty Cổ Phần

- | | |
|---|----|
| I. Phương án cổ phần hóa | 7 |
| II. Phương án tổ chức Công Ty Cổ Phần | 11 |
| III. Dự kiến về hoạt động của Cty Cổ Phần trong giai đoạn 1998-2002 | 13 |

<u>Phần IV : Kiến nghị</u>	16
-----------------------------------	-----------

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Phụ lục số 1 : Biểu phân tích tình hình tài chính 3 năm trước khi cổ phần hóa
- Phụ lục số 2 : Quyết định số 458 TC /QĐ/TCDN ngày 9/4/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về giá trị doanh nghiệp.
- Phụ lục số 3 : Bảng tổng hợp đánh giá lại TSCĐ - Bảng tổng hợp đánh giá lại nhà cửa vật liệu kiến trúc
- Phụ lục số 3B : Bảng đánh giá máy móc thiết bị
- Phụ lục số 3C : Bảng đánh giá phương tiện vận tải
- Phụ lục số 3D : Biểu chi tiết xác định giá TSLĐ
- Phụ lục số 3E : Biểu chi tiết xác định nguồn vốn hình thành
- Phụ lục số 4 : Biểu tổng hợp kiểm kê đánh giá lại TSLĐ
- Phụ lục 5 : Danh sách lao động của Xí Nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng tại thời điểm 31/10/1998
- Phụ lục 6 : Danh sách CNVC được mua cổ phần với giá ưu đãi

BỘ CÔNG NGHIỆP

Ban đổi mới QLDN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH

**Phương án chuyển Xí nghiệp Trừ mối khử trùng
thành Công ty cổ phần Trừ mối khử trùng**

Hôm nay, ngày 11-11-1998 tại Bộ Công nghiệp, Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp tiến hành họp thẩm định phương án chuyển Xí nghiệp Trừ mối khử trùng thành Công ty cổ phần Trừ mối khử trùng.

Chủ trì cuộc họp: đồng chí Lê Quốc Khánh Thứ trưởng Bộ Công nghiệp, trưởng ban Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp.

Tham dự có các thành phần sau đây:

- Thành viên Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp
Đồng chí Đỗ Văn Hy Vụ trưởng Vụ TCKT, phó trưởng ban.
Đồng chí Vũ Tiến Sáu Chủ tịch Công đoàn ngành công nghiệp, uỷ viên.
Đồng chí Trần Thảo Phó Vụ trưởng Vụ TCCB (thay mặt đồng chí Nghĩa).

Cùng một số chuyên viên các Vụ TCKT, TCCB, KHĐT, PC.

- Đại diện Tổng Công ty Hoá chất Việt nam:
Đồng chí Nguyễn thị Minh Nguyệt Phó Tổng giám đốc.
Đồng chí Hoàng Sỹ Hiền uỷ viên Hội đồng quản trị.
Đồng chí Lê Huy Trụ uỷ viên Ban ĐMDN.

- Đại diện Công ty Thuốc sát trùng Việt nam:
Đồng chí Nguyễn Mạnh Tuyên Giám đốc.

- Đại diện Xí nghiệp trừ mối khử trùng:
Đồng chí Phan Văn Khinh Giám đốc.

Đồng chí Lê Huy Trụ uỷ viên Ban ĐMDN Tổng Công ty Hoá chất Việt nam trình bày phương án: Xí nghiệp Trừ mối khử trùng xây dựng phương án cổ phần hoá theo Nghị định 44/1998/NĐ-CP, Tổng Công ty Hoá chất Việt nam có công văn số 397/CV-HĐQT ngày 27-10-1998 đề nghị Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án để chuyển Xí nghiệp Trừ mối khử trùng thành Công ty cổ phần và triển khai các bước công việc tiếp theo.

Sau khi nghe báo cáo các đại biểu tham gia hội nghị đã trao đổi và thống nhất ý kiến, đã được đồng chí Thứ trưởng Lê Quốc Khánh chủ trì hội nghị kết luận như sau:

I/ Phê duyệt phương án với các nội dung sau:

1/ Chuyển Xí nghiệp Trừ mối khử trùng (một bộ phận của Công ty Thuốc sát trùng Việt nam đơn vị thành viên Tổng Công ty Hoá chất Việt nam) với giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 1-1-1998 là 1.521.600.000 đồng (theo quyết định số 458/TC/QĐ/TCDN ngày 9-4-1998 của Bộ Tài chính về việc xác định giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hoá) thành Công ty cổ phần Trừ mối khử trùng từ ngày 1-11-1998.

Tên giao dịch quốc tế Termite Control and Fumigation Company.

Tên tiếng Anh viết tắt T.C.F.C.

Trụ sở 2/29 Hàm nghi, phường Bến nghe, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Công ty cổ phần Trừ mối khử trùng có chức năng nhiệm vụ chính:

- Hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực trừ mối, khử trùng.
- Mở rộng kinh doanh các sản phẩm khác, chủ yếu các sản phẩm hoá chất.

3/ Vốn điều lệ của Công ty cổ phần trừ mối khử trùng: 1.780 triệu đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng Việt nam)

4/ Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông

Nhà nước	30%	vốn điều lệ
Người LĐ trong Xí nghiệp Trừ mối khử trùng	44,9%	vốn điều lệ
Người LĐ trong Công ty Thuốc sát trùng VN	20 %	vốn điều lệ
Ngoài xí nghiệp	5,1%	vốn điều lệ

- Giá trị 1 cổ phần 100.000 đồng Việt nam

- Công ty cổ phần Trừ mối khử trùng được phép bán cổ phần theo cơ cấu trên.

5/ Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong xí nghiệp

- Tổng số LĐ được quyền mua ưu đãi	40 người
Tổng số năm công tác	516 năm
Tổng số cổ phần được quyền mua ưu đãi tối đa	5.160 cổ phần
Cổ phần được quyền mua ưu đãi bình quân	129 cổ phần/người

Theo quy định giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng mỗi người được mua cổ phần ưu đãi không vượt quá mức cổ phần ưu đãi bình quân của lao động trong xí nghiệp là 129 cổ phần, như vậy 40 lao động của xí nghiệp được mua ưu đãi tối đa 4.727 cổ phần.

6/ Công ty cổ phần trừ mối khử trùng có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt nam, thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, được sử dụng con dấu theo tên gọi để giao dịch, được mở tài khoản tại ngân hàng và hoạt động theo điều lệ Công ty cổ phần trừ mối khử trùng, theo Luật công ty và các Luật pháp hiện hành của Nhà nước quy định.

II/ Các công việc tiếp tục làm

1/ Xí nghiệp trừ mối khử trùng hoàn chỉnh phương án theo các nội dung thống nhất nêu trên báo cáo Công ty Thuốc Sát trùng Việt nam, Tổng Công ty Hoá chất Việt nam trình Bộ Công nghiệp ra quyết định phê duyệt phương án.

2/ Sau khi có quyết định của Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp trừ mối khử trùng thành Công ty cổ phần Trừ mối khử trùng, Tổng Công ty Hoá chất Việt nam phối hợp với Công ty Thuốc sát trùng Việt nam chỉ đạo Xí nghiệp Trừ mối khử trùng tiến hành bán cổ phần và báo cáo kết quả về Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp trung ương, Bộ Công nghiệp, Bộ Tài chính, Tổng Công ty Hoá chất Việt nam, Công ty Thuốc sát trùng Việt nam và thực hiện các bước tiếp theo quy định của Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp trung ương.

3/ Về nguyên tắc Bộ Công nghiệp đồng ý cho Công ty Thuốc sát trùng Việt nam được sử dụng số tiền thu do bán phần vốn nhà nước tại Xí nghiệp trừ mối khử trùng để đầu tư cho Xí nghiệp Thuốc sát trùng Nam định. Tổng Công ty Hoá chất Việt nam, Công ty Thuốc sát trùng Việt nam phải làm đầy đủ thủ tục theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng báo cáo Bộ để quyết định và thông báo đến Bộ Tài chính cấp phát.

Biên bản này đã được hội nghị thông qua và ký tên dưới đây.

Trưởng ban Ban ĐMQLDN Bộ Công nghiệp



Lê Quốc Khánh

Đồng chí Đỗ Văn Hy



Đồng chí Đặng Ngọc Tùng



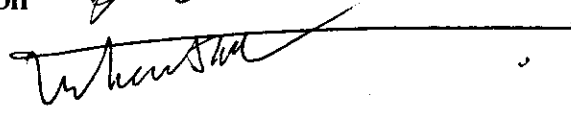
Đồng chí Trần Gia Hộ



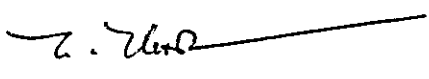
Đồng chí Phạm Viết Muôn



Đồng chí Vũ Tiến Sáu

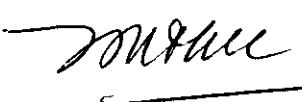


Đồng chí Trần Thảo



(thay mặt đồng chí Nghĩa)

Đồng chí Trần Mạnh Thư



(thay mặt đồng chí Loan)

XÍ NGHIỆP TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG

Căn cứ Khoản 2 Điều 13 : thì lãnh đạo Xí Nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng gồm :

1/ Phan Văn Khinh : Giám Đốc XN

2/ Lê Đức Vình : Phó Giám Đốc XN

3/ Nguyễn Thị Bông : Kế toán trưởng XN

"Chỉ được mua cổ phần giá ưu đãi không vượt quá mức cổ phần bình quân của các cổ đông trong doanh nghiệp "

Như vậy :

BẢNG KÊ DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP MUA CỔ PHẦN THEO GIÁ ƯU ĐÃI

Tính đến 31/10/1998

Cụ thể như sau

Stt	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà Nước	Số năm được điều bởi Pháp Lệnh chống tham nhũng	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với cổ đông khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/CP)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người lao động trong DN (30.000đ/CP)	Ghi chú (Chức danh trong DN)
1	Phan Văn Khinh	19	12,90	129	9.030.000	3.870.000	Giám đốc
2	Lê Đức Vình	39	12,90	129	9.030.000	3.870.000	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Thị Bông	24	12,90	129	9.030.000	3.870.000	KT trưởng
4	Huỳnh Thanh Phong	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
5	Lê Thị Tâm Hảo	2	2	20	1.400.000	600.000	
6	Đặng Thị Minh Hà	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
7	Nguyễn Thị Hồng Vân	7	7	70	4.900.000	2.100.000	
8	Nguyễn Văn Hòa	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
9	Trương Trung Thành	14	14	140	9.800.000	4.200.000	
10	Đỗ Trí	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
11	Lương Văn Tài	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
12	Nguyễn Lai Phúc	2	2	20	1.400.000	600.000	
13	Nguyễn Lý Tuấn Anh	1	1	10	700.000	300.000	
14	Bùi Ngọc Chính	8	8	80	5.600.000	2.400.000	
15	Lý Văn Quốc	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
16	Bùi Thanh Tâm	7	7	70	4.900.000	2.100.000	
17	Huỳnh Anh Tôn	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
18	Lâm Trí Dũng	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
19	Hồ Sĩ Chung	4	4	40	2.800.000	1.200.000	
20	Nguyễn Trung Bắc	2	2	20	1.400.000	600.000	
21	Lê Minh	2	2	20	1.400.000	600.000	
22	Từ Minh Châu	2	2	20	1.400.000	600.000	

23	Nguyễn Ngọc Thắng	2	2	20	1.400.000	600.000	
24	Nguyễn Quang Chí - H	15	15	150	10.500.000	4.500.000	
25	Huỳnh Thị Ngọc Khéo	23	23	230	16.100.000	6.900.000	
26	Trần Ngọc Tài	23	23	230	16.100.000	6.900.000	
27	Võ Văn Quá	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
28	Mạch Quốc Thanh	21	21	210	14.700.000	6.300.000	
29	Dương Thành Nhân	21	21	210	14.700.000	6.300.000	
30	Thái Quang Minh	17	17	170	11.900.000	5.100.000	
31	Lưu Văn Ut-CT	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
32	Bùi Tân Tiến	21	21	210	14.700.000	6.300.000	
33	Trần Hữu Phước	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
34	Phan Văn Hiền	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
35	Nguyễn Thanh Phong	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
36	Lưu Vĩnh Trấn	30	30	300	21.000.000	9.000.000	
37	Trần Huệ	24	24	240	16.800.000	7.200.000	
38	Quân Siêu	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
39	Dư Văn Hà-CT	14	14	140	9.800.000	4.200.000	
40	Phan Văn Minh- CT	18	18	180	12.600.000	5.400.000	
TỔNG CỘNG				4.727	330.890.000	141.810.000	

Tổng giá trị cổ phần ưu đãi so với tổng giá trị thuộc vốn Nhà nước : 8%

TP. Hồ Chí Minh ngày 31/10/1998

TM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY

BÍ THƯ

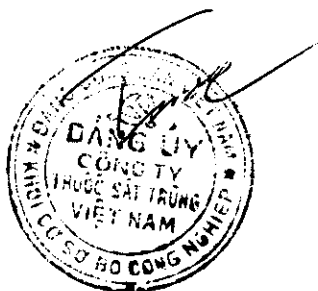
TM BCH CÔNG ĐOÀN

CHỦ TỊCH

TRƯỞNG BAN ĐỐI MỐI

TẠI DOANH NGHIỆP

(Giám đốc, Phó giám đốc)



Nguyễn Văn Tuấn

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Lệ Thảo



NGUYỄN MẠNH TUYÊN

PHẦN I : MỤC ĐÍCH VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ CỔ PHẦN HÓA

I. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC CỔ PHẦN HÓA :

Cty Thuốc Sát Trùng Việt Nam (VIPESCO) cổ phần hóa đơn vị thành viên của mình là XN Trừ Mối - Khử Trùng nhằm các mục đích :

1. Chuyển XN Trừ Mối - Khử Trùng thành Cty Cổ phần thông qua việc chuyển một phần sở hữu nhà nước tại Cty Thuốc Sát Trùng VN thành sở hữu các cổ đông, đổi mới phương thức quản lý, tạo động lực thúc đẩy sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh .
2. Huy động thêm nguồn vốn từ các thành phần kinh tế nhằm phát triển kinh doanh của XN vì lợi ích của đất nước và lợi ích của người lao động trong XN
3. Tạo điều kiện cho người lao động góp vốn và công nhân viên chức của XN thực hiện vai trò làm chủ của mình.
4. Thu hồi vốn từ XN Trừ mối - Khử trùng để thực hiện các dự án đầu tư trong chương trình mục tiêu của Công ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ :

1. Luật Công ty được kỳ họp thứ tám Quốc hội khóa VIII nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 21/12/1990 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Công ty công bố ngày 22/06/1994 .
2. Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/06/1998 của Chính phủ “Về chuyển một số doanh nghiệp Nhà nước thành Công Ty Cổ Phần” .
3. Nghị định số 25/CP ngày 26/03/1997 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều trong Nghị định 28/CP ngày 07/05/1996 .
4. Công văn số 438/ĐMDN ngày 03/09/1997 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Cty Thuốc Sát Trùng VN cổ phần hóa XN Trừ Mối - Khử Trùng

PHẦN II : NHỮNG CƠ SỞ THỰC TẾ ĐỂ LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

I/. TÊN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA :

Xí nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng trực thuộc Công ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam .

- Tên giao dịch quốc tế : Termite Control and Fumigation Enterprise
- Trụ sở : 2/29 Hàm Nghi (31B Hải Triều) - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 8223926 - 8210245
- Fax : 8212011

II/. LÝ DO CHỌN XN TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG ĐỂ CỔ PHẦN HÓA :

1. Là đơn vị hạch toán phụ thuộc độc lập tương đối về tài sản, vốn và địa điểm làm việc .
2. XN không phụ thuộc vào công nghệ sản xuất của doanh nghiệp chính (Cty Thuốc Sát Trùng VN) .
3. XN hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi, có hướng phát triển tốt .
4. Công nhân, viên chức của XN tự nguyện xin được cổ phần hóa .

III/. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA XN TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG :

1. Vài nét về sự hình thành và phát triển của XN :

XN Trừ Mối - Khử Trùng tồn tại và phát triển hơn 30 năm qua . Tiền thân của XN là Công ty Trừ mối Việt Nam, một Cty Cổ phần trước năm 1975 .

Sau khi đất nước thống nhất, Cty Trừ mối Việt Nam được quốc hữu hóa và được giao cho Tổng cục Hóa chất cũ quản lý . XN được tổ chức lại thành một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Cty Thuốc Sát Trùng VN với các chức năng và phạm vi hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ và thương mại với những nội dung sau :

- Trừ mối, ruồi, muỗi, kiến, gián, chuột, nhện, dơi, chim, ... là những đối tượng dịch hại trong và xung quanh nhà, xưởng, cơ quan, kho tàng, ... Trừ mối cho các loại cây trồng.
- Khử trùng :
 - Khử trùng hàng hóa xuất nhập khẩu, nông, lâm, thủy, hải sản, thủ công mỹ nghệ, ... Khử trùng các loại phương tiện chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu (máy bay, tàu thủy, tàu hỏa, ...)
 - Khử trùng đất phục vụ cho công tác xây dựng cơ bản, sản xuất cây rau quả quý và sạch .
- Mua bán các sản phẩm thuốc sát trùng gia dụng .
- Sản xuất một số mặt hàng chuyên dùng phục vụ cho công tác trừ mối, ruồi, muỗi, kiến, gián, ...

Trong những năm qua, XN từng bước được đổi mới trang bị nên bước đầu đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn .

2. Tình hình hoạt động của XN trong các năm 1995 - 1997 :

Biểu 1 cung cấp những số liệu chủ yếu (đã qua kiểm toán) về hoạt động của XN trong ba năm 1995 - 1997 .

BIỂU PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	1995	1996	1997
1. Vốn kinh doanh	đồng	887.296.092	1.086.409.878	1.369.473.082
a/ Vốn CĐ, vốn LĐ	"	765.991.513	905.161.353	902.706.719
- Ngân sách	"	72.128.799	72.128.799	72.128.799
- Tự bổ sung	"	295.966.329	358.229.629	414.756.208
- Vay	"	397.896.385	474.802.925	415.821.712
b/ Vốn XD CB	"			
c/ Quỹ phát triển SX	"	121.304.579	181.248.525	466.766.363
2. Doanh thu	"	4.876.079.176	5.542.432.794	7.184.153.594
3. Tổng chi phí	"	4.290.829.305	4.907.589.959	6.442.678.819
4. Lợi tức trước thuế	"	585.249.871	634.842.835	741.474.775
Thuế suất lợi tức	%	25%	45%	45%
5. Lợi nhuận sau thuế	đồng	438.937.404	349.163.559	407.811.126
6. Nộp ngân sách	"	269.110.026	434.954.958	462.322.367
trong đó				
- Thuế doanh thu	"	121.066.467	147.544.590	126.927.626
- Thuế lợi tức	"	146.312.467	285.679.276	333.663.649
- Thu SD vốn	"	1.731.092	1.731.092	1.731.092
7. Tỷ suất LN sau thuế trên vốn kinh doanh	%	49,47	32,14	29,78
8. Trích lập các quỹ	đồng	345.297.424	349.163.559	406.080.034
- Quỹ Phát triển SX	"	151.908.867	122.207.246	217.328.886
- Quỹ phúc lợi - KT	"	193.366.557	226.956.313	188.751.148
9. Lao động	người	44	49	53
Trong đó - HĐ dài hạn	"	40	40	38
- HĐ ngắn hạn		4	9	15
10. Thu nhập BQ/N/tháng	đồng	1.101.470	1.229.337	1.242.692
Trong đó : Lương	"	764.081	1.033.519	1.072.822
Thưởng	"	337.389	195.818	169.870

a). Tình hình tài sản và vốn :

Tổng số vốn kinh doanh của XN tính đến 31/12/1997 so với năm 1995 tăng 154% . Việc tăng vốn này nhờ từ nguồn vốn tự bổ sung và nguồn vốn phát triển kinh doanh của XN chỉ cho việc mua sắm thêm . Tài sản cố định hiện có của XN (Phụ lục 1 - Biểu 1) về cơ bản đáp ứng yêu cầu kinh doanh của XN, tuy nhiên cần bổ sung thêm.

Vốn lưu động của XN chủ yếu dựa vào nguồn thanh toán . Do đặc điểm kinh doanh trên lĩnh vực trừ mối - khử trùng, XN thường phải ứng tiền trước cho khách hàng và kinh doanh càng phát triển thì phần ứng trước này càng gia tăng .

Về tài sản lưu động : không có vật tư hàng hóa ứ đọng, mất phẩm chất, không thiếu hụt hoặc mất mát .

b). Phân tích kết quả kinh doanh :

- **Số vòng quay vốn** kinh doanh khá cao : năm 1995 đạt 5,5 lần ; 1996 đạt 5,1 lần ; năm 1997 đạt 5,2 lần .

Nguyên nhân của việc giảm trong năm 1996, 1997 là do việc thuê thêm diện tích làm việc để đặt Văn phòng đại diện (ở Hà Nội và Cần Thơ), mua sắm thiết bị văn phòng, đầu tư thêm tài sản cố định nhưng chưa khai thác sử dụng hết công suất . Tuy nhiên, với 5 vòng quay vốn trong một năm, XN đạt hiệu quả cao trong việc sử dụng vốn .

- **Doanh lợi tiêu thụ** (lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu) : mức doanh lợi tiêu thụ năm 1995 đạt 7% ; năm 1996 đạt 6,3% và năm 1997 đạt 5,65% .

Các năm 1996 và 1997 tuy doanh thu vẫn tăng nhưng giá thuê mặt bằng, chi phí quảng cáo, chi phí tiếp thị tăng, khấu hao tài sản cũng tăng do việc mua sắm thêm tài sản cố định, trong khi đó phải giảm giá dịch vụ, do vậy mức doanh lợi giảm so với những năm trước đó.

- **Doanh lợi vốn** (lợi nhuận sau thuế/vốn kinh doanh) : doanh lợi vốn năm 1995 đạt 49,47% ; năm 1996 đạt 32,14% và năm 1997 ước đạt 29,78% .

Năm 1996 - 1997 doanh lợi vốn bị giảm một phần là do việc mua sắm thêm tài sản cố định . Mặc dù vậy, chỉ số trên vẫn cho thấy hiệu quả sử dụng vốn là cao .

c). Thu nhập và phân phối lợi nhuận :

Thu nhập bình quân của người lao động : năm 1995 là 1.101.470 đồng, năm 1996 là 1.229.337 đồng và năm 1997 là 1.242.692 đồng . Đây là mức thu nhập cao so với các XN khác của Cty .

PHẦN III : PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA VÀ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN

I/. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA :

1.Những thuận lợi và khó khăn :

a. Thuận lợi :

- XN đã có uy tín với khách hàng và có một thị trường ổn định .
- Trang thiết bị và phương tiện phục vụ về cơ bản đáp ứng yêu cầu của kinh doanh .
- Đội ngũ công nhân viên chức vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ .
- XN đã tạo được niềm tin đối với các cấp lãnh đạo Cty Thuốc Sát Trùng Việt Nam, Tổng Cty Hóa chất Việt Nam, Cục Bảo vệ Thực vật, các Chi Cục Kiểm dịch Thực vật, lãnh đạo UBND thành phố Hồ Chí Minh, nhờ đó đã được các đơn vị và cơ quan nói trên tạo điều kiện để XN phát triển .

b. Khó khăn :

- Trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và trong phạm vi cả nước có nhiều đơn vị cùng hoạt động trên lĩnh vực trừ mối - khử trùng như : Cty Khử trùng Việt Nam, Cty Pest Busters - (Singapore), Cty Ikari, (tập đoàn Nhật bản - Hồng Kông), Cty Toàn Diện - (Singapore), Viện nghiên cứu lâm nghiệp - Thủy lợi, các Trung tâm y tế của Bộ Y Tế, các Cty thương mại - dịch vụ cấp quận, huyện và rất nhiều tư nhân . Bởi vậy trong thời gian qua, vừa có sự hợp tác, vừa có sự cạnh tranh giữa các tổ chức đó với nhau, chủ yếu trên phương diện uy tín và chất lượng để có thể đứng vững trong cơ chế thị trường . Người lao động còn băn khoăn về sự đảm bảo đối với công ăn việc làm của họ sau khi XN được cổ phần hóa do những thay đổi về cơ chế quản lý.

2. Giá trị Xí Nghiệp Trừ mối - Khử trùng :

a. Giá trị của XN :

Đơn vị tính: đồng				
DIỄN GIẢI	Mã số	Số liệu của DN	Số liệu thẩm tra	Chênh lệch
A- Giá trị TSCĐ - Giá trị còn lại	01	839.454.265	847.821.035	8.366.770
(01 = 02 + 03 + 04)				-
I/ Loại đang dùng trong SXKD	02	519.940.265	528.307.035	8.366.770
- Máy móc thiết bị động lực				-
- Máy móc thiết bị công tác		85.184.741	86.277.769	1.093.028
- Dụng cụ quản lý		62.399.266	63.399.266	1.000.000
- Phương tiện vận tải		110.049.258	110.950.000	900.742
- Nhà xưởng		262.307.000	267.680.000	5.373.000
II/ Loại không cần dùng, chờ thanh lý	03			-
III/ XDCB dở dang	04	319.514.000	319.514.000	-
B- Giá trị TSLĐ (05=06+07+08+09)	05	1.770.982.416	1.768.632.416	(2.350.000)
I/ Vốn bằng tiền	06	316.604.093	316.604.093	-
II/ Vật tư hàng hóa	07	1.159.002.410	1.156.652.410	(2.350.000)
- Nguyên liệu, vật liệu		987.949.421	987.949.421	-
- Thành phẩm tồn kho				-
- Hàng hóa tồn kho		59.758.989	59.758.989	-
- Công cụ, dụng cụ		97.310.000	94.960.000	(2.350.000)
- Vật tư hàng hóa khác		13.984.000	13.984.000	-
III/ Các khoản phải thu	08	295.375.913	295.375.913	-
- Phải thu người mua		295.375.913	295.375.913	-
- Ứng trước cho người bán				-
- Phải thu nội bộ				-
- Phải thu khác				-
IV/ Giá trị TSLĐ khác	09			-
CỘNG (10=01+05)	10	2.610.436.681	2.616.453.451	6.016.770
C- Các khoản giảm trừ (11=12+13+14)	11	1.317.233.749	1.317.233.749	-
I/ Nợ phải trả	12	1.272.661.487	1.272.661.487	-

- Vay ngắn hạn		-	-	-
- Phải trả người bán		466.829.712	466.829.712	-
- Người mua trả trước		3.350.465	3.350.465	-
- Phải nộp thuế doanh thu				-
- Phải nộp thuế lợi tức		333.663.649	333.663.649	-
- Phải nộp thuế vốn		1.731.092	1.731.092	-
- Phải nộp thuế thu nhập				-
- Phải trả công nhân viên		85.743.892	85.743.892	-
- Phải nộp kinh phí công đoàn		18.939.848	18.939.848	-
- Phải nộp BHYT		14.169.996	14.169.996	-
- Phải trả khác		348.232.833	348.232.833	-
- Chi phí phải trả				-
II/ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	44.572.262	44.572.262	-
III/ Nhà ở CBCNV	14	-	-	-
CỘNG GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP				
SAU KHI KIỂM KÊ ĐÁNH GIÁ LẠI	15	1.293.202.932	1.299.219.702	6.016.770
D- Lợi thế doanh nghiệp	16	-	157.335.506	157.335.506
Tỷ lệ lợi thế (%)		-	12,11	12,11
E- Ước tính chi phí tiến hành CPH (5%)	17	64.660.147	64.960.985	300.838
CỘNG GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	18	1.357.863.079	1.521.516.193	163.653.114
(18=15+16+17)				

Theo sự thẩm định của Hội đồng thẩm tra giá trị doanh nghiệp . Tổng giá trị phần vốn nhà nước tại Xí Nghiệp ở thời điểm 1/1/1998 là : 1.521.516.193 đồng , được xác định chính thức tại Quyết định số 458TC/ QĐ/TCDN ngày 9/4/1998 của Bộ Tài Chính (Xem hồ sơ thẩm tra giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0 h ngày 1/1/1998 và phụ lục 2).

Nếu trừ chi phí cổ phần hóa theo tinh thần Thông tư số 104/1998/TT - BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài Chính , thì giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Xí Nghiệp còn lại là ;

$$1.521.516.193 \text{ đ} - 64.960.985 \text{ đ} = 1.456.555.208 \text{ đ}$$

b. Phần bổ sung giá trị doanh nghiệp đến thời điểm 31.10.1998

Giá trị doanh nghiệp tăng thêm là từ nguồn lãi phát sinh từ ngày 1/1/1998 bao gồm :

- Lãi thực tế phát sinh từ tháng 1 đến hết tháng 7 năm 1998 là : **713.932.080đ**
- Lãi ước phát sinh trong tháng 8,9,10 /1998 là : **355.306.900đ**

Tổng cộng : 1.069.238.980đ

Phân phối lãi theo chế độ tài chính hiện hành

- Nộp ngân sách Nhà nước (thuế) 45% = **481.157.541đ**

- Quỹ phát triển đầu tư = 323.444.792 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi = 264.636.647 đồng

Trên cơ sở kết quả thẩm tra giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 1/1/1998, Quyết định số 458/TC/ QĐ / TCDN ngày 9/4/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và dự kiến Quỹ phát triển đầu tư của Xí Nghiệp 10 tháng đầu năm 1998, giá trị phần vốn Nhà nước tại Xí Nghiệp ở thời điểm 0h ngày 1/11/1998 sẽ là :

1.456.555.208 đồng + 323.444.792 đồng = 1.780.000.000 đồng (Xem phần bổ sung đề nghị giá trị doanh nghiệp)

3. Phương án bán cổ phần:

a. Vốn điều lệ : 1.780.000.000 đồng , tương ứng 17.800 cổ phần

Công ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam có cổ phần đặc biệt và giữ lại 30% giá trị của doanh nghiệp, tương ứng **534.000.000 đồng** và bằng **5.340 cổ phần**

b. Bán trong Công Ty Thuốc sát Trùng : 64,9% giá trị doanh nghiệp , tương ứng **1.156.000.000đ** và bằng **11.560 cổ phần** , cụ thể như sau :

- Bán trong Xí Nghiệp : 44,9% giá trị Xí Nghiệp , tương ứng **800.000.000đ** và bằng **8.000 cổ phần**.

- Bán trong Công Ty Thuốc sát Trùng Việt Nam (Không kể Xí Nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng) : 20,1% giá trị Xí Nghiệp , tương ứng **356.000.000đ** và bằng **3.560 cổ phần**

Trong số 69 công nhân viên chức của Xí Nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng có 40 người với 516 năm công tác cho nhà nước được mua **5.160 cổ phần** ưu đãi , tổng số tiền được giảm là:

5.160 cổ phần x 30.000đ/CP = 154.800.000đ

Số tiền được giảm chiếm 8,7% giá trị phần vốn nhà nước tại Xí Nghiệp . Trong Xí Nghiệp không có lao động thuộc diện nghèo .

c. Số cổ phần bán ra ngoài : 900 , bằng **90.000.000 đồng** tương ứng **5,1%** giá trị phần vốn Nhà nước tại Xí nghiệp.

4. Phát hành cổ phiếu :

a. Hình thức phát hành : Tự phát hành tại doanh nghiệp khi có quyết định chuyển Xí Nghiệp thành Công Ty cổ phần

b. Mệnh giá cổ phiếu : 100.000đ (Một trăm ngàn đồng chẵn)

c. Số lượng cổ phiếu phát hành

- Trong Xí Nghiệp Trừ Mối - Khử Trùng 8.000

- Trong Công Ty Thuốc sát Trùng Việt Nam 3.560

- Ngoài Cty và Xí Nghiệp 900

Cổ phiếu của 7 thành viên Hội Đồng Quản Trị là cổ phiếu ghi danh

d. Tổng số tiền thu về

= Tổng mệnh giá cổ phiếu - Giá trị được giảm cho các cổ phần ưu đãi

= 1.246.000.000đ - 154.800.000đ = 1.091.200.000 đồng

II/. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN:

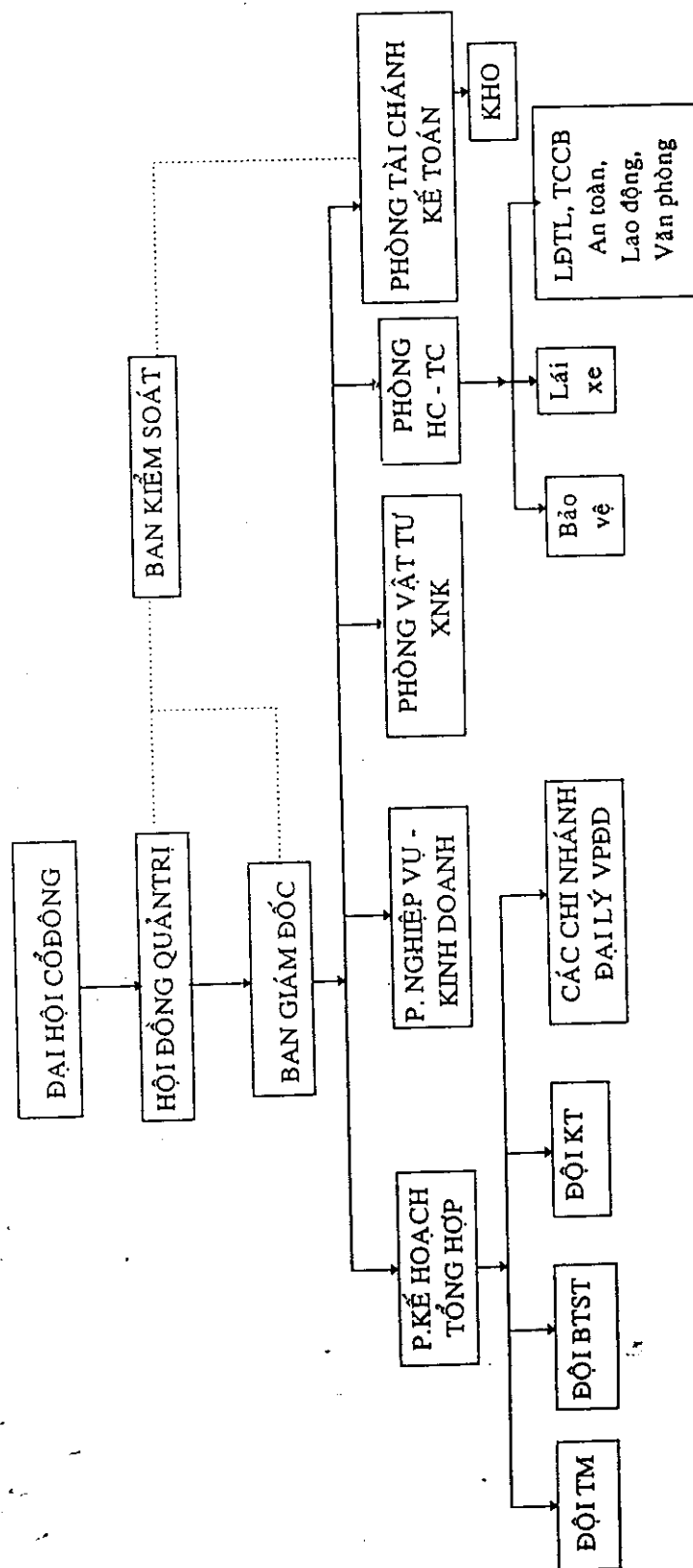
1. Tên gọi : CÔNG TY CỔ PHẦN TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG

- Tên viết tắt : **CÔNG TY TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG.**
- Tên giao dịch Quốc tế : **TERMITE CONTROL AND FUMIGATION CORPORATION**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **T.C.F.C**
- Trụ sở : 2/29 Hàm Nghi (31B Hải Triều) - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ : **1.780.000.000 đồng .**
- Các Chi nhánh ở Hà Nội, Cần Thơ và sẽ mở tiếp các Chi nhánh và Văn phòng đại diện ở các tỉnh và Thành Phố khác.
- Phạm vi hoạt động : Toàn Quốc

2. Cơ cấu tổ chức :

- a. Cơ quan quyền lực cao nhất : Đại hội cổ đông .
- b. Cơ quan quản lý giữa hai kỳ Đại hội cổ đông : Hội đồng quản trị (HĐQT) do Đại hội cổ đông bầu gồm 7 thành viên, trong đó Cổ đông có cổ phần đặc biệt có ít nhất một (1) thành viên . Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu theo sự đề cử của Cổ đông có cổ phần đặc biệt .
- c. Ban kiểm soát (BKS) gồm ba người do Đại hội Cổ đông bầu.
- d. Bộ máy điều hành gồm : Giám đốc, hai (2) Phó giám đốc và Kế toán trưởng .
- Các phòng chức năng : phòng nghiệp vụ, phòng kế hoạch, phòng vật tư xuất nhập khẩu, phòng tài chính - kế toán, chi nhánh và văn phòng giao dịch ở các địa phương .
- Các đội : Đội trừ mối, Đội khử trùng, Đội bơm thuốc sát trùng, Tổ bán hàng, các Đại lý .

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN TRỪ MỐI - KHU TRÙNG



3. Ngành nghề kinh doanh:

- Tiếp tục hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực Trừ mối - Khử trùng. Cụ thể :

- Trừ mối, ruồi, muỗi, kiến, gián, chuột, nhện, dơi, chim, ... là những đối tượng dịch hại trong và xung quanh nhà, xưởng, cơ quan, kho tàng, ... Trừ mối cho các loại cây trồng.
- Khử trùng :
 - Khử trùng hàng hóa xuất nhập khẩu, nông, lâm, thủy, hải sản, thủ công mỹ nghệ, ...
 - Khử trùng các loại phương tiện chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu (máy bay, tàu thủy, tàu hỏa, ...)
 - Khử trùng đất phục vụ cho công tác xây dựng cơ bản, sản xuất cây rau quả quý và sạch .
- Mua bán các sản phẩm thuốc sát trùng gia dụng .
- Sản xuất một số mặt hàng chuyên dùng phục vụ cho công tác trừ mối, ruồi, muỗi, kiến, gián, ...

- Mở rộng kinh doanh các sản phẩm khác, chủ yếu là các sản phẩm hóa chất theo quy định của Nhà nước .

4. Lao động trong Công ty cổ phần:

Biên chế khi mới thành lập : 65 người, trong đó cơ quan điều hành có 12 người, chiếm tỉ lệ 18,4% trong tổng số lao động của Công ty. Công nhân viên của Xí Nghiệp Trừ mối - Khử trùng cũ được tiếp tục hưởng các chế độ chính sách và các bảo đảm về mặt xã hội như trước khi Xí Nghiệp được cổ phần hóa.

Dự kiến vào năm 2000 Công ty sẽ có 80 - 90 lao động .

5. Tổ chức và hoạt động : của Công ty cổ phần Trừ mối - Khử trùng được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (có Dự thảo văn bản kèm theo).

III. DỰ KIẾN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG GIAI ĐOẠN 1998 - 2002 :

1. Kế hoạch đầu tư :

Giá trị tài sản của XN Trừ Mối - Khử Trùng tại thời điểm cổ phần hóa là : 1.780.000.000 đồng (Một tỷ , bảy trăm tám chục triệu đồng chẵn).

Dự kiến đến năm 2000 sẽ huy động 500.000.000 đồng để phát triển kinh doanh như sau :

- a. Trang bị những thiết bị chuyên dùng : 200.000.000 đồng .
- b. Mua sắm thiết bị văn phòng : 100.000.000 đồng .
- c. Mở các Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại Nha Trang, Đà Nẵng : 200.000.000 đồng .

2. Những chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính :

BIỂU 2 : BẢNG DỰ KIẾN CHU KỲ HOẠT ĐỘNG 1998 - 2002
CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG THẤP NHẤT LÀ 10%/NĂM

Chỉ tiêu	1998	1999	2000	2001	2002
1. <u>Tổng doanh thu</u> :	7.280.000.000	8.153.600.000	9.132.038.000	10.227.882.000	11.250.670.000
+ Dịch vụ	5.791.520.000	6.486.502.000	7.264.882.000	8.136.667.000	8.950.333.000
+ Hàng hóa mua ngoài	1.488.480.000	1.667.097.000	1.867.148.000	2.091.205.000	2.300.325.000
2. <u>Tổng chi phí</u> :					
+ SXKD dịch vụ	2.814.124.000	3.151.820.000	3.529.997.000	3.953.598.000	4.348.598.000
+ Hàng hóa mua ngoài	1.792.000.000	2.007.040.000	2.247.884.000	2.517.630.000	2.769.393.000
+ Thu nhập và các phụ cấp khác	1.537.600.000	1.722.112.000	1.928.765.000	2.160.216.000	2.376.237.000
+ BHXH (19%)	42.319.000	47.397.000	53.084.000	59.454.000	65.399.000
+ Khấu hao TSCĐ	63.557.000	71.183.000	79.724.000	89.290.000	98.219.000
+ Chi phí khác					
+ Thuế doanh thu	246.400.000	275.968.000	309.084.000	346.174.000	380.791.000
3. <u>Lợi nhuận trước thuế</u>	784.000.000	878.080.000	983.500.000	1.101.520.000	1.211.672.000
4. <u>Thuế lợi tức (45%)</u>	352.800.000	395.136.000	442.575.000	495.684.000	545.252.400

Các chỉ số tài chính:

	1998	1999	2000	2001	2002
Vòng quay vốn kinh doanh	4,0	4,4	4,8	5,0	5,5
Lợi tức / tổng doanh thu	11%	11%	11%	11%	11%
Lợi tức thuần / tổng vốn điều lệ	23%	25%	27%	30%	33%
Lợi tức để chia / doanh thu	6%	6,5%	6,5%	6%	6%
Cổ tức	18%	18-20%	20%	20-24%	20-24%

- Nhờ huy động vốn để đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu nên doanh thu của Cty sẽ tăng lên so với trước khi cổ phần hóa .

- Tỷ lệ lợi tức trên doanh thu qua các năm đạt được từ 10% đến 12%, đây là mức lãi cao so với các đơn vị của Cty Thuốc Sát Trùng Việt Nam .

3. Dự báo hiệu quả về mặt xã hội :**a). Lợi ích của người lao động :**

- Thu nhập bình quân của người lao động :

	Đơn vị 1000 đ				
	1998	1999	2000	2001	2002
Thu nhập bình quân của người lao động					
Lương bình quân / tháng	1.100	1.200	1.300	1.400	1.500
Thu nhập thêm từ cổ tức	24.000 đ / cổ phần / năm (100.000 đ/cổ phần)				

Lương của người lao động trong Cty Cổ phần không thấp hơn so với khi chưa cổ phần hóa, thu nhập còn tăng nhờ được chia cổ tức .

- Các lợi ích khác :

- Người lao động có tiếng nói có trọng lượng hơn trong việc quyết định phương hướng hoạt động của Cty .
- Việc Cty vẫn duy trì các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người lao động của Cty đã từng làm việc ở XN Trừ Mối - Khử Trùng sẽ đảm bảo cho những người lao động này được hưởng đầy đủ các lợi ích về xã hội khi về hưu, nghỉ mất sức hay vì lý do nào đó phải thôi việc như công nhân, viên chức của bất kỳ Doanh nghiệp Nhà nước nào .

b) Lợi ích của nhà nước :

- Đóng góp ngân sách cho Nhà nước :

Đơn vị : 1.000.000 đ

	1998	1999	2000	2001	2002
Thuế doanh thu	140	154	169	186	205
Thuế lợi tức	378	415	457	500	550
Cổ tức (từ cổ phần của nhà nước)	20 - 30%				

Như vậy, mức đóng góp vào ngân sách nhà nước sẽ cao hơn so với những năm trước khi cổ phần hóa .

- Các lợi ích kinh tế - xã hội khác :

- Nhà nước thu hồi phần vốn của mình trước đây đã đầu tư vào XN Trừ Mối - Khử Trùng để đầu tư vào những công trình và hạng mục cần thiết hơn .
- Sau khi cổ phần hóa sẽ có thêm điều kiện để đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện để thu hút thêm lao động vào làm việc trong Cty .

PHẦN IV : KIẾN NGHỊ

Hiện nay Công ty Thuốc Sát Trùng Việt Nam đang rất thiếu vốn để triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Công ty có dự án đầu tư Xí Nghiệp Thuốc Sát Trùng Nam Định đã được duyệt, đề nghị cho sử dụng số tiền thu được qua cổ phần hóa Xí Nghiệp Trừ mối - Khử trùng để bổ sung vào vốn cho dự án nêu trên .

CÔNG TY THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MẠNH TUYẾN

PHẦN PHỤ LỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

— : —

Số : 1197/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 1977

QUYẾT - ĐỊNH

V/v quốc hữu hoá xí nghiệp Phước Đa

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội Đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp ngày 27 tháng 10 năm 1962 .

- Căn cứ quyết định 90/CP ngày 04/4/1977 của Hội Đồng Chính Phủ về việc áp dụng chế độ quản lý đối với các xí nghiệp công quản sau ngày giải phóng .

- Căn cứ báo cáo của Ban cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh Thành Phố (công văn số 1111/TB-XL) về tình hình đặc điểm xí nghiệp Phước Đa .

- Xét đề nghị của Ban cải tạo Thành phố có sự nhất trí của Ban cải tạo Tổng Cục Hoá Chất .

QUYẾT - ĐỊNH

Điều 1 : Quốc Hữu hoá toàn bộ xí nghiệp Sắt Trùng Phước Đa ở 2/29 Hàm Nghi Quận 1 và cơ xưởng ở 383/6 Hưng lộ 14 Quận Tân Bình, trên cơ sở :

a) Nhà nước tạm quản lý :

- 294 cổ phần, tỷ lệ 98% ở Phước Đa Công Ty của tư sản Huỳnh Lân và sẽ giải quyết sau với sự chủ

b) Trưng mua : (- Theo chính sách chung của Nhà Nước sau khi thanh toán nợ)

- 6 cổ phần của Nguyễn văn Minh tỷ lệ 2%

Điều 2 : Giao cho Công Ty thuốc sắt trùng miền Nam (Tổng Cục Hoá Chất) quản lý điều hành theo chế độ quốc doanh .

Điều 3 : Sau khi tiếp nhận xí nghiệp, Công Ty thuốc sắt trùng miền Nam (Tổng Cục Hoá Chất) có trách nhiệm :

- Cùng Sở Tài Chính, Ủy ban vật giá, Ngân Hàng Thành Phố và các ngành có liên quan kiểm kê trị giá toàn bộ tài sản khi tiếp quản, báo cáo Bộ Tài Chính để lập thủ tục giao vốn đầu tư cho Tổng Cục Hoá Chất .

- Tiến hành phát động công nhân, thực hiện 3 cuộc cách mạng, tổ chức lại sản xuất .

- Tổ chức và hoàn chỉnh công tác bảo vệ xí nghiệp, bảo vệ nội bộ

- Đảm bảo cách chế độ chính trị, kinh tế đối với công nhân viên chức theo chế độ quốc doanh .

- Tiếp tục giải quyết việc trưng mua và các vấn đề còn tồn tại của xí nghiệp

Điều 4 : Các đồng chí Chánh Văn Phòng Ủy ban nhân dân Thành Phố, Trưởng Ban cai tạo Thành Phố, Giám Đốc Công Ty thuốc sát trùng miền Nam, Giám Đốc Sở Tài Chính, Chủ nhiệm Ủy ban vật giá, Chủ Tịch Ủy Ban nhân dân Quận Tân Bình và Ủy ban nhân dân Quận I chiếu quyết định thi hành .

Nơi Gửi :

- như điều 4
- Bộ Tài Chính
- Tổng Cục Hoá Chất
- Tổng hợp
- lưu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH

Phó Chủ Tịch / Thường trực

Đã ký : Lê Đình Nhơn

SAO Y BẢN CHÍNH
KT. CHANH VAN PHONG
PHO VAN PHONG
Đã ký : Phan Kim Thảo

SAO Y BẢN CHÍNH
BAN CAI TẠO TỔNG CỤC HOA CHẤT
Đã ký : Đào Văn Qua

Tổng Cục Hoá Chất
Cty Thuốc Sát Trùng M.N

Sao Y Bản Chính

11/gày 17 tháng 12 năm 1983



D. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Chính

SAO Y BẢN CHÍNH



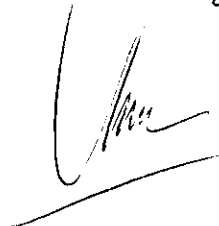
ĐỒ HUỖNH

BIỂU PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

Chỉ tiêu	ĐV tính	1995	1996	1997
1. Vốn kinh doanh	đồng	887.296.092	1.086.409.878	1.369.473.082
a/ Vốn cố định, vốn lưu động	"	765.991.513	905.161.353	902.706.719
- Ngân sách	"	72.128.799	72.128.799	72.128.799
- Tự bổ sung	"	295.966.329	358.229.629	414.756.208
- Vay	"	397.896.385	474.802.925	415.821.712
- Nhận vốn góp liên doanh	"	-	-	-
b/ Vốn XD CB	"	-	-	-
c/ Quỹ phát triển sản xuất	"	121.304.579	181.248.525	466.766.363
2. Doanh thu	"	4.876.079.176	5.542.432.794	7.184.153.594
3. Tổng chi phí	"	4.290.829.305	4.907.589.959	6.442.678.819
4. Lợi nhuận trước thuế	"	585.249.871	634.842.835	741.474.775
Thuế suất thuế lợi tức	%	25%	45%	45%
5. Lợi nhuận sau thuế	"	438.937.404	349.163.559	407.811.126
6. Nộp ngân sách	"	269.110.026	434.954.958	462.322.367
Trong đó:	"			
- Thuế doanh thu	"	121.066.467	147.544.590	126.927.626
- Thuế lợi tức	"	146.312.467	285.679.276	333.663.649
- Thu SD vốn	"	1.731.092	1.731.092	1.731.092
7. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế				
trên vốn kinh doanh	%	49,47	32,14	29,78
8. Trích lập các quỹ	đồng	345.297.424	349.163.559	406.080.034
- Quỹ phát triển SX	"	151.930.867	122.207.246	217.328.886
- Quỹ phúc lợi, khen thưởng	"	193.366.557	226.956.313	188.751.148
9. Lao động	người	44	49	53
Trong đó:				
- Hợp đồng dài hạn	"	40	40	38
- Hợp đồng ngắn hạn	"	4	9	15
10. Thu nhập bình quân người/tháng	đồng	1.101.470	1.229.337	1.242.692
Trong đó:				
- Lương	"	764.081	1.033.519	1.072.822
- Thưởng	"	337.389	195.818	169.870

TP. HCM, ngày 5 tháng 3 năm 1998

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ BÔNG

Giám đốc



PHAN VĂN KHINH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 168 TC/QĐ/TCĐN

Hà nội, ngày 9 tháng 4 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Về việc xác định giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hoá
tại thời điểm 0h ngày 1/1/1998 của Xí nghiệp Trừ mối - khử trùng
thuộc Công ty Thuốc sát trùng Việt nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 28/CP ngày 7/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển một số doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và thông tư số 50-TC/TCĐN ngày 30/8/1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn những vấn đề tài chính, bán cổ phần và phát hành cổ phiếu trong việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Nghị định số 28/CP của Chính phủ;

Căn cứ vào biên bản thẩm tra giá trị xí nghiệp Trừ mối - khử trùng thuộc Công ty Thuốc sát trùng Việt nam ngày 10/3/1998 của Hội đồng thẩm tra giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;

Theo đề nghị của Tổng công ty Hoá chất Việt nam tại công văn số 122/CV-HĐQT ngày 26/3/1998 về việc thoả thuận giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa 0h ngày 1/1/1998 của xí nghiệp Trừ mối - khử trùng thuộc Công ty Thuốc sát trùng Việt nam;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 - Xác định giá trị doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 1/1/1998 của Xí nghiệp Trừ mối - khử trùng thuộc Công ty Thuốc sát trùng Việt nam như sau:

Tổng giá trị doanh nghiệp:	1.521.600.000 đồng
Trong đó:	
- Giá trị doanh nghiệp chưa tính lợi thế:	1.299.219.702 đồng
- Lợi thế doanh nghiệp (12,11%):	157.419.298 đồng
- Chi phí cổ phần hóa:	64.961.000 đồng

(Giá trị doanh nghiệp nói trên chưa tính đến giá trị quyền sử dụng đất).

Điều 2 - Trên cơ sở giá trị doanh nghiệp được xác định tại điều 1, giao cho Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp giúp Tổng công ty hoá chất Việt nam;

Công ty thuốc sát trùng Việt nam; Xí nghiệp Trừ mối - khử trùng giải quyết các công việc còn lại để hoàn thành sớm quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Trừ mối - khử trùng thuộc Công ty Thuốc sát trùng Việt nam theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3 - Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các đơn vị có tên ở điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị báo cáo về Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước - Bộ Tài chính để xem xét giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính Phủ (để báo cáo).
- Tổng công ty Hoá chất Việt nam. ✓
- Cục QLDN TP Hồ Chí Minh
- Kho bạc TPHCM.
- Công ty Thuốc sát trùng Việt nam.
- Xí nghiệp Trừ mối - khử trùng.
- Lưu: VP; KBNN; TCDN (3b).

KT/BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

THỨ TRƯỞNG



PHẠM VĂN TRỌNG

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
CỦA XÍ NGHIỆP TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG ĐẾN NGÀY 1/1/1998

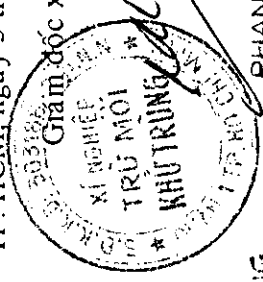
STT	Tên tài sản	Giá trị theo sổ sách			Đánh giá lại của doanh nghiệp			Đơn vị: đồng	
		Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá đánh giá lại	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại sau khi DG	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Nhà cửa vật kiến trúc	172.979.664		27.596.816	377.344.000		262.307.000	204.364.336	234.710.184
II	Máy móc thiết bị	225.190.281		147.584.007	225.190.281		147.584.007	0	0
III	Phương tiện vận tải	174.384.933		110.049.258	174.384.933		110.049.258	0	0
	TỔNG CỘNG	572.554.878		285.230.081	776.919.214		519.940.265	204.364.336	234.710.184

TP. HCM, ngày 5 tháng 3 năm 1998

Người lập biểu

Kế toán trưởng xí nghiệp

Giam đốc xí nghiệp

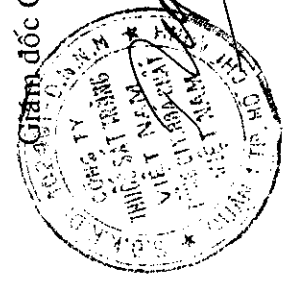


NGUYỄN TỊ BÔNG

PHAN VĂN KHINH

Kế toán trưởng Công ty

Giam đốc Công ty



Phạm Thị Ngọc Thu

NGUYỄN MẠNH TUYẾN

BẢNG ĐÁNH GIÁ NHÀ CỦA VẬT KIẾN TRÚC

CỦA XÍ NGHIỆP TRỪ MỐI - KHỦ TRƯNG ĐẾN NGÀY 1/1/1998

Stt	Tên tài sản	Cấp loại	Địa điểm	Diện tích	Giá trị trên sổ sách			Đánh giá lại của doanh nghiệp			Đơn vị: đồng	
					Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá đánh giá lại	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại sau khi DG	Nguyên giá	Chênh lệch
I	2	C	D	5	6	7	8	9	10	11	12=9-6	13=11-8
I	Dùng trong SXKD				172.979.664		27.596.816	377.344.000		262.307.000	204.364.336	234.710.184
1	Kho chính		2/29	254,25m ²	135.151.104	17%	22.705.376	167.805.000	61,58%	103.334.319	32.653.896	80.628.943
2	Phần kéo dài nhà chính		Hàm Nghi	35,02m ²	29.116.560	17%	4.891.440	33.619.200	73,59%	24.739.109	4.502.640	19.847.669
3	Văn phòng XN		P.BN	132m ²	8.712.000	0%	0	126.720.000	73,59%	93.248.496	118.008.000	93.248.496
4	Nhà phụ làm việc		Q1	54,54m ²				21.816.000	100,0%	21.816.000	21.816.000	21.816.000
5	Sân		TPHCM	81,28m ²				27.384.000	70,00%	19.168.800	27.384.000	19.168.800
6	Nhà bảo vệ			10m ²				0		0	0	0
7	Cửa sắt			16m ²				0		0	0	0
II	Dùng trong phúc lợi											
	Không dùng xin											
III	thanh lý											

TP. HCM, ngày 5 tháng 3 năm 1998

Người lập biểu

Kế toán trưởng Công ty

Giám đốc Công ty

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Kế toán trưởng Xí nghiệp

Giám đốc Xí nghiệp

NGUYỄN MẠNH TUYẾN

PHAN VĂN KHINH

NGUYỄN THỊ BÔNG

BẢNG ĐÁNH GIÁ MÁY MÓC THIẾT BỊ
CỦA XÍ NGHIỆP TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG
ĐẾN NGÀY 1/1/1998

	Tên tài sản	Công Suất	Năm Sử dụng	Giá trị trên sổ sách			Theo đánh giá của doanh nghiệp			Chênh lệch	
				Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	10	11
I	Máy móc TB dùng trong SX			123.241.767		85.184.741	123.241.767	69,12%	85.184.741	0	0
1	Máy bơm thuốc ST		93	6.500.000		1.422.472	6.500.000	21,88%	1.422.472	0	0
2	Máy bơm thuốc ST		94	7.190.000		4.073.500	7.190.000	56,66%	4.073.500	0	0
3	3 máy phun khói		95	22.836.000		17.483.500	22.836.000	76,66%	17.483.500	0	0
4	Máy phun khói lớn		95	9.106.658		5.311.290	9.106.658	58,32%	5.311.290	0	0
5	Máy phun khói lớn		95	9.020.000		5.261.700	9.020.000	58,33%	5.261.700	0	0
6	Máy phun khói		96	9.720.000		5.832.000	9.720.000	60,00%	5.832.000	0	0
7	Máy phun khói Dynafog		96	34.763.300		25.736.600	34.763.300	74,03%	25.736.600	0	0
8	Máy phát điện SHP		95	5.150.000		3.003.450	5.150.000	58,32%	3.003.450	0	0
9	Bộ máy dò khí		97	18.955.809		17.060.229	18.955.809	90,00%	17.060.229	0	0
II	Dụng cụ và thiết bị										
	Văn phòng			101.948.514		62.399.266	101.948.514	61,21%	62.399.266	0	0
10	Ti vi + Đầu máy VIDEO			19.660.800		0	19.660.800	0,00%	0	0	0
11	Máy vi tính 486			23.100.000		14.168.000	23.100.000	61,33%	14.168.000	0	0
12	Điện thoại di động Kyodo			7.476.944		4.934.870	7.476.944	66,00%	4.934.870	0	0
13	Máy Fax			5.640.000		3.835.200	5.640.000	68,00%	3.835.200	0	0
14	Điện thoại di động 388			8.500.000		6.630.000	8.500.000	78,00%	6.630.000	0	0

693
pt

Tên tài sản	Công Suất	Năm Sử dụng	Giá trị trên sổ sách			Theo đánh giá của doanh nghiệp			Chênh lệch	
			Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	B	D	1	2	3	4	5	6	10	11
15 Máy vi tính 586			15.452.370		13.134.516	15.452.370	85,00%	13.134.516	0	0
16 Bộ đàm ATICO			6.296.400		5.456.880	6.296.400	86,67%	5.456.880	0	0
17 Máy Photocopy			15.822.000		14.239.800	15.822.000	90,00%	14.239.800	0	0
III Máy móc thi không dùng xin thanh lý			0		0	0		0	0	0
TỔNG CỘNG			225.190.281		147.584.007	225.190.281		147.584.007	0	0

TP. HCM, ngày 5 tháng 3 năm 1998

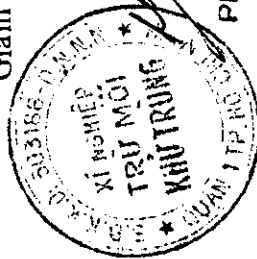
Người lập biểu

Kế toán trưởng xí nghiệp

Giám đốc xí nghiệp

[Signature]

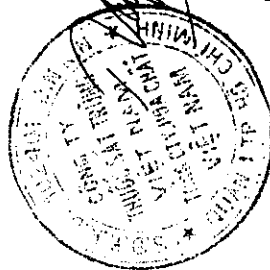
NGUYỄN THỊ BÔNG



PHAN VĂN KHINH

Kế toán trưởng Công ty

Giám đốc Công ty



[Signature]

Phạm Thị Ngọc Thảo

NGUYỄN MẠNH TUYẾN

BẢNG ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
CỦA XÍ NGHIỆP TRỪ MỐI - KHỬ TRÙNG ĐẾN NGÀY 1/1/1998

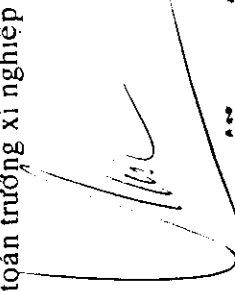
Đơn vị : Đồng

Stt	Tên tài sản	Công Suất	Năm Sử dụng	Giá trị trên sổ sách			Đánh giá lại của doanh nghiệp		Chênh lệch	
				Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	10= 7-4 11= 9-6
I	Dùng trong SXKD			174.384.933		110.049.258	174.384.933		110.049.258	0
1	Xe Kia Cerec 54L-83-73	1 tấn	1995	152.880.000	68%	103.950.000	152.880.000	68%	103.950.000	0
2	Xe Subaru 54L 83-85	350kg		21.504.933	28%	6.099.258	21.504.933	28%	6.099.258	0
II	Không dùng xin thanh lý			0		0	0		0	0

Người lập biểu

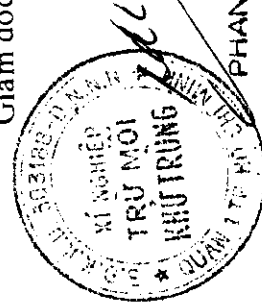
Kế toán trưởng xí nghiệp

Giám đốc xí nghiệp



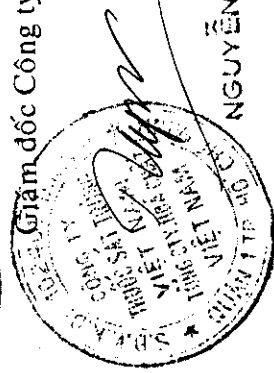
NGUYỄN THỊ BÔNG

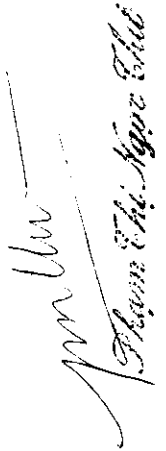
Kế toán trưởng Công ty



PHAN VĂN KHINH

Giám đốc Công ty





NGUYỄN MẠNH TUYỀN

**BIỂU CHI TIẾT XÁC ĐỊNH
GIÁ TRỊ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG**

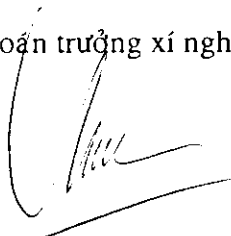
PHỤ LỤC SỐ 3D

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
1. Vốn bằng tiền	316.604.093	
- Tiền mặt tồn quỹ	56.737.719	
- Tiền gửi ngân hàng	234.866.374	
- Tiền đi trên đường	25.000.000	
- Chứng khoán có giá	-	
2. Vật tư, hàng hóa	1.159.002.410	
- Nguyên, nhiên, vật liệu	987.949.421	
- Hàng hóa	59.758.989	
- Thành phẩm tồn kho		
- Bán thành phẩm và SP dở dang		
- Công cụ, dụng cụ LĐ	97.310.000	
- Bao bì		
- Vật tư, hàng hóa khác	13.984.000	
3. Các khoản phải thu	295.375.913	
- Phải thu khách hàng	295.375.913	
- Phải thu nội bộ		
- Phải thu khách hàng		
4. Tài sản lưu động khác	-	
CỘNG	1.770.982.416	

TP. HCM, ngày 5 tháng 3 năm 1998

Kế toán trưởng xí nghiệp

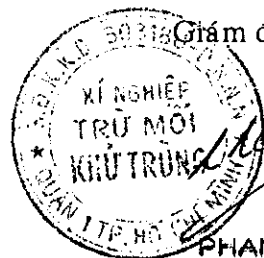


NGUYỄN THỊ BÔNG

Kế toán trưởng Công ty



Phạm Thị Ngọc Thảo



Giám đốc xí nghiệp

PHAN VĂN KHINH

Giám đốc Công ty



NGUYỄN MẠNH TUYẾN

BIỂU CHI TIẾT XÁC ĐỊNH NGUỒN VỐN HÌNH THÀNH

PHỤ LỤC SỐ 3E

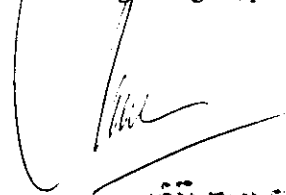
698

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	1.664.859.565	
- Nguồn vốn kinh doanh	818.905.191	
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	
- Chênh lệch tỷ giá	-	
- Quỹ phát triển SX	248.658.485	
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(144.178.886)	
- Lãi chưa phân phối	741.474.775	
- Quỹ đầu tư XDCB	-	
2. Nợ phải trả	945.577.116	
a) Nợ ngắn hạn	941.750.077	
- Vay ngắn hạn	-	
- Nợ phải trả khách hàng	470.180.177	
- Thuế và các khoản nộp ngân sách	-	
- Phải trả CBCNV	85.743.892	
- Phải trả khác	385.826.008	
b) Nợ dài hạn	-	
- Vay dài hạn	-	
- Nợ dài hạn khác	-	
c) Nợ khác	3.827.039	
- Chi phí phải trả	3.827.039	
- Nhân ký cược, ký quỹ, thế chấp	-	
d) Các khoản lỗ	-	
CỘNG	2.610.436.681	

TP. HCM, ngày 5 tháng 3 năm 1998

Kế toán trưởng xí nghiệp



NGUYỄN THỊ BÔNG

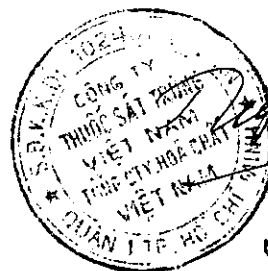
Kế toán trưởng Công ty




Giám đốc xí nghiệp

PHAN VĂN KHINH

Giám đốc Công ty



NGUYỄN MẠNH TUYẾN

BIỂU TỔNG HỢP KIỂM KÊ
ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN LƯU ĐỘNG

Đơn vị: đồng

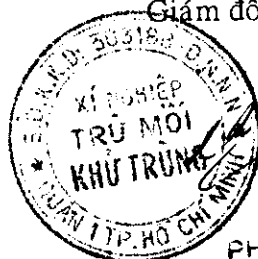
STT	CHỈ TIÊU	Theo sổ sách kế toán	Theo giá xác định lại	Chênh lệch
	TỔNG SỐ TÀI SẢN DƯ TRỮ	1.061.692.410	1.159.002.410	97.310.000
1	Nguyên liệu, vật liệu	987.949.421	987.949.421	-
2	Nhiên liệu	-	-	-
3	Phụ tùng	-	-	-
4	Công cụ, dụng cụ	-	97.310.000	97.310.000
5	Hàng hóa tồn kho	59.758.989	59.758.989	-
6	Thành phẩm tồn kho	-	-	-
7	Hàng mua đang đi đường	13.984.000	13.984.000	-
8	Hàng gửi bán	-	-	-
9	Giá trị sản phẩm dở dang	-	-	-

TP. HCM, ngày 5 tháng 3 năm 1998

Kế toán trưởng xí nghiệp

NGUYỄN THỊ BÔNG

Giám đốc xí nghiệp



PHAN VĂN KHINH

Kế toán trưởng Công ty

Phạm Thị Ngọc Thù

Giám đốc Công ty



NGUYỄN MẠNH TUYẾN

CTY Thuốc Sát Trùng Việt nam
Xí nghiệp Trừ mối - Khử trùng

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO DANH SÁCH LAO ĐỘNG CÓ MẶT CỦA ĐƠN VỊ
TẠI THỜI ĐIỂM 30/9/1998**

Phụ lục : Danh sách số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công Ty cổ phần Trừ Mối - Khử Trùng

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Giới tính		Ngày tháng năm tham gia các	Trình độ chuyên môn ĐH, TC, SC Cấp bậc KT	Hệ số Lương đang hưởng	Đã ký kết HĐLĐ hay thuộc diện biên chế cũ chưa chuyển sang ký kết HĐLĐ				Đang nghỉ việc thuộc các đối tượng	Ghi chú
			Nam	Nữ				Đã ký hợp đồng lao động		Chưa chuyển sang HĐLĐ			
		Không hạn thời hạn			Từ 1-3 năm	Thời vụ < 1 năm							
1	Phan Văn Khanh	1955	x		1983	ĐH	3,66	x				Giám đốc	
2	Lê Đức Vinh	1940	x		1959	TCH	3,48	x				Phó giám đốc	
3	Nguyễn Thị Bông	1953		x	1975	TCKT	2,3	x				Kế toán trưởng	
4	Huỳnh Thị Ngọc Khéo	1952		x	1975	12/12	2,21	x				Thủ quỹ	
5	Trần Ngọc Tài	1956	x		1975	12/12	2,21	x					
6	Thái Quang Minh	1963	x		1982	9/12	2,04	x					
7	Đặng Thị Minh Hà	1969		x	1994	ĐH	2,02	x					
8	Lê Thị Tâm Hảo	1970		x	1996	ĐH	1,78	x					
9	Nguyễn Thị Hồng Vân	1970		x	1991	ĐH	1,78	x					
10	Bùi Tân Tiến	1959	x		1982	10/12	2,3	x					
11	Võ Văn Quà	1960	x		1980	9/12	2,16	x					
12	Mạch Quốc Thanh	1960	x		1983	9/12	2,65	x					
13	Nguyễn Văn Hòa	1958	x		1980	12/12	2,65	x					
14	Dương Thành Nhân	1952	x		1978	ĐH	2,26	x					
15	Lưu Vĩnh Trấn	1951	x		1968	ĐH	2,26	x					

16	Trần Huệ	1950	x		1975	12/12	2,17	x					
17	Trần Hữu Phước	1954	x		1981	9/12	1,95	x					
18	Nguyễn Thanh Phong	1960	x		1980	9/12	1,95	x					
19	Phan Văn Hiến	1947	x		1981	9/12	1,95	x					
20	Trương Trung Thành	1963	x		1990	10/12	1,95	x					
21	Quân Siêu	1939	x		1981	2/12	1,75	x					
22	Đỗ Trí	1969	x		1994	ĐH	2,02	x					
23	Lương Văn Tài	1965	x		1988	ĐH	2,02	x					
24	Huỳnh Thanh Phong	1969	x		1994	ĐH	2,02	x					
25	Nguyễn Lai Phúc	1970	x		1995	ĐH	1,78	x					
26	Nguyễn Lý Tuấn Anh	1973	x		1996	ĐH	1,78	x					
27	Bùi Ngọc Chính	1962	x		1994	TCTC	1,7	x					
28	Lý Văn Quốc	1968	x		1993	9/12	1,57	x					
29	Bùi Thanh Tâm	1970	x		1992	9/12	1,57	x					
30	Huỳnh Anh Tôn	1963	x		1994	8/12	1,57	x					
31	Lâm Trí Dũng	1966	x		1994	11/12	1,57	x					
32	Hồ Sĩ Chung	1958	x		1994	11/12	1,57	x					
33	Nguyễn Trung Bắc	1973	x		1994	12/12	1,57	x					
34	Lê Minh	1966	x		1994	12/12	1,57	x					
35	Từ Minh Châu	1971	x		1995	12/12	1,57	x					
36	Nguyễn Ngọc Thắng	1958	x		1995	12/12	1,57	x					
37	Nguyễn Quang Chí - HN	1960	x			ĐH	2,26	x					
38	Nguyễn Ngọc Minh-HN	1971	x		1997	ĐH	1,57	x					
39	Hà Thanh Phúc - CT	1977	x		1996	9/12	1,57	x					
40	Lưu Văn Ut - CT	1954	x		1981	12/12	2,21	x					
41	Dư Văn Hà - CT	1960	x		1985	12/12	1,85	x					
42	Phan Văn Minh - CT	1946	x		1981	9/12	2,49	x					
43	Quách Thanh Phương	1968	x		1994	11/12	1,47	x					
44	Lý Kim Anh	1961		x	1996	9/12	1,22	x					
45	Tăng Văn Lộc	1970	x		1996	10/12	1,57	x					

**BẢNG KÊ DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG
TRONG DOANH NGHIỆP MUA CỔ PHẦN THEO GIÁ ƯU ĐÃI**

Tính đến 30/10/1998

Stt	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà Nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với cổ đồng khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/CP)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người lao động trong DN (30.000đ/CP)	Ghi chú (Chức danh trong DN)
1	Phan Văn Khanh	19	190	13.300.000	5.700.000	Giám đốc
2	Lê Đức Vịnh	39	390	27.300.000	11.700.000	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Thị Bông	24	240	16.800.000	7.200.000	Kế toán trưởng
4	Huỳnh Thanh Phong	4	40	2.800.000	1.200.000	
5	Lê Thị Tâm Hảo	2	20	1.400.000	600.000	
6	Đặng Thị Minh Hà	4	40	2.800.000	1.200.000	
7	Nguyễn Thị Hồng Vân	7	70	4.900.000	2.100.000	
8	Nguyễn Văn Hòa	18	180	12.600.000	5.400.000	
9	Trương Trung Thành	14	140	9.800.000	4.200.000	
10	Đỗ Trí	4	40	2.800.000	1.200.000	
11	Lương Văn Tài	4	40	2.800.000	1.200.000	
12	Nguyễn Lai Phúc	2	20	1.400.000	600.000	
13	Nguyễn Lý Tuấn Anh	1	10	700.000	300.000	
14	Bùi Ngọc Chính	8	80	5.600.000	2.400.000	
15	Lý Văn Quốc	4	40	2.800.000	1.200.000	
16	Bùi Thanh Tâm	7	70	4.900.000	2.100.000	
17	Huỳnh Anh Tôn	4	40	2.800.000	1.200.000	
18	Lâm Trí Dũng	4	40	2.800.000	1.200.000	
19	Hồ Sĩ Chung	4	40	2.800.000	1.200.000	
20	Nguyễn Trung Bắc	2	20	1.400.000	600.000	
21	Lê Minh	2	20	1.400.000	600.000	
22	Từ Minh Châu	2	20	1.400.000	600.000	
23	Nguyễn Ngọc Thắng	2	20	1.400.000	600.000	
24	Nguyễn Quang Chí - HN	15	150	10.500.000	4.500.000	
25	Huỳnh Thị Ngọc Khéo	23	230	16.100.000	6.900.000	
26	Trần Ngọc Tài	23	230	16.100.000	6.900.000	
27	Võ Văn Quá	18	180	12.600.000	5.400.000	
28	Mạch Quốc Thanh	21	210	14.700.000	6.300.000	
29	Dương Thành Nhân	21	210	14.700.000	6.300.000	
30	Thái Quang Minh	17	170	11.900.000	5.100.000	
31	Lưu Văn Ut-CT	18	180	12.600.000	5.400.000	
32	Bùi Tân Tiến	21	210	14.700.000	6.300.000	

33	Trần Hữu Phước	18	180	12.600.000	5.400.000	
34	Phan Văn Hiền	18	180	12.600.000	5.400.000	
35	Nguyễn Thanh Phong	18	180	12.600.000	5.400.000	
36	Lưu Vĩnh Trấn	30	300	21.000.000	9.000.000	
37	Trần Huệ	24	240	16.800.000	7.200.000	
38	Quân Siêu	18	180	12.600.000	5.400.000	
39	Dư Văn Hà_CT	14	140	9.800.000	4.200.000	
40	Phan Văn Minh- CT	18	180	12.600.000	5.400.000	
TỔNG CỘNG			5.160	361.200.000	154.800.000	

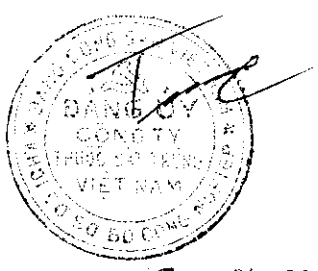
Cổ phần ưu đãi bình quân : 3.870.000đ

Tổng giá trị cổ phần ưu đãi so với tổng giá trị thuộc vốn Nhà nước : 8,7%

TP. Hồ Chí Minh ngày 30/10/1998

TM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY

BÍ THƯ



Nguyễn Thị Thuần

TM BCH CÔNG ĐOÀN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ Thò

TRƯỞNG BAN ĐỔI MỚI

TẠI DOANH NGHIỆP

(Giám đốc, Phó giám đốc)

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MẠNH TUYẾN